

Bản án số: 495/2026/HS-ST
Ngày: 13/4/2026.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thu Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Võ Thị Gái;
- Bà Đinh Thị Tuyết Mai;

- Thư ký phiên tòa: Ông Lại Văn Khoa - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 269/2026/TLST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 432/2026/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Trần Thị T, sinh năm 1970, tại tỉnh Bình Thuận; Nơi thường trú: X đường B, Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: giúp việc nhà; Cha: Phạm Văn P (chết); Mẹ: Trần Thị N (chết); Chồng: Nguyễn Văn T; Con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/8/2024, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Trương Lê Ngọc T, sinh năm 1988 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Căn hộ X Chung cư F, số X đường L, Khu phố 4, phường T, thành phố T (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Tô H, sinh năm 1974; Địa chỉ: X đường N, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)
2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970; Địa chỉ: X đường B, Phường 13, Quận 6 (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)
3. Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1993; Địa chỉ: Xóm 21, thôn H 2, xã C, huyện T, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)
4. Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 2000; Địa chỉ: X đường B, Phường 13, Quận 6 (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)
5. Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 2005; Địa chỉ: X đường B, Phường 13, Quận 6 (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)
6. Bà Lê Thị Bích H, sinh năm 2000; Địa chỉ: X đường B, Phường 13, Quận 6 (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quá trình xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2019, Trần Thị T được chị Trương Lê Ngọc T thuê làm người giúp việc gia đình. Đến năm 2021, khi gia đình chị T chuyển đến cư trú tại căn hộ X, chung cư F, địa chỉ: số X đường L, khu phố 4, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, T tiếp tục làm việc và cùng sinh sống tại đây. Do tin tưởng, chị T đã bàn giao thẻ cư dân và mật khẩu căn hộ cho T để thuận tiện sinh hoạt.

Tại căn hộ, chị T bố trí một phòng riêng để thay đồ, trang điểm và cất giữ nhiều tài sản có giá trị (đồng hồ, trang sức, túi xách...). Căn phòng này luôn được khóa, chỉ có thể mở bằng vân tay của chị T, thẻ từ hoặc chìa khóa cơ do chị T trực tiếp quản lý. T chỉ được phép vào dọn dẹp khi có sự giám sát của chị T.

Vào khoảng 8 giờ sáng ngày 24/7/2024, chị Trương Lê Ngọc T cùng con trai rời nhà đi du lịch, giao lại căn hộ X cho T trông coi. Nhận thấy đây là cơ hội, T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong phòng. T ngắt cầu dao tổng của căn hộ để camera trong phòng ngừng hoạt động, sau đó dùng chìa khóa cơ (đã lén trộm trước đó) mở cửa phòng. Để không để lại dấu vết, T dùng tay trái quần khăn rút dây nối nguồn điện của camera. Sau khi vào phòng, T bật lại cầu dao tổng để mọi hoạt động trong căn hộ trở lại bình thường và tránh sự chú ý. T gọi điện cho chồng là Nguyễn Văn T nhờ đến căn hộ để tháo ốc cửa sổ, tạo hiện trường giả rằng có người đột nhập vào căn hộ qua cửa sổ. Tuy nhiên, T không tiết lộ mục đích thực sự của mình với T.

Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, T đến tầng hầm chung cư F và gọi điện cho T xuống đón. T dẫn T lên căn hộ X, sau đó T sử dụng tua vít tháo ốc cửa sổ

giúp T. Sau khi hoàn thành, T đưa T một chai nước hoa của chị T và đưa T ra thang máy để về nhà. Quay lại căn hộ, T mở các ngăn kéo tủ và lấy toàn bộ tài sản trong phòng bao gồm đồng hồ, nhẫn, dây chuyền, lắc tay, bông tai, nước hoa cho vào túi nilon và túi vải trắng. Sau khi hoàn thành việc trộm cắp, T dùng khăn lau sạch những nơi mà mình và T đã chạm vào để xóa dấu vết.

Khoảng 16 giờ 10 phút cùng ngày, T mang theo túi vải rời khỏi căn hộ để tìm nơi bán tài sản. Tại tầng trệt chung cư, T gặp một nam thanh niên mặc áo xe ôm công nghệ BE (chưa rõ nhân thân lai lịch) và thuê người này chở mình đến đường N, phường T, thành phố T, với tiền công 50.000 đồng.

Khoảng 16 giờ 40 phút cùng ngày, T đến cửa hàng kinh doanh Vàng bạc đá quý Kim Kim H tại số X đường N, phường T, TP. T để bán số trang sức vừa trộm được. Tại cửa hàng, T gặp nhân viên của cửa hàng là Nguyễn Thị Tô H, nhờ H định giá các trang sức. H kiểm tra và trả lại các trang sức nghi ngờ là hàng giả (hàng mỹ ký) cho T, còn các trang sức thật được H kiểm tra lại bằng máy quang phổ, sau đó cân để xác định trọng lượng và tính toán giá trị. H thông báo tổng số tiền mà cửa hàng thu mua là 173.450.000 đồng. T sau đó thấy H có nhiều USD nên hỏi mua 500 USD và 01 lắc tay, 01 nhẫn vàng với tổng số tiền 33.000.000 đồng. Sau khi giao dịch, H đưa lại cho T 140.450.000 đồng tiền mặt. T mời H mua 02 đồng hồ trộm được, và H đồng ý mua hai chiếc với giá 5.500.000 đồng. H không biết số tài sản trên là do T trộm được.

T mang số tiền mặt cùng các tài sản còn lại như đồng hồ, nước hoa và trang sức chưa bán được bắt xe ôm công nghệ về nhà trọ của con gái là Nguyễn Thanh T tại địa chỉ số X đường số 2, Phường 13, Quận 6 để cất giấu. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, khi T đến nhà trọ của T, T đi làm chưa về nên T kiểm tra lại tài sản, cất giấu lắc tay, nhẫn vàng cùng 500 USD và một nhẫn đính kim cương vào tủ quần áo của T tại phòng T.

T gói các tài sản còn lại vào 02 túi giấy, sau đó nhờ con trai là Nguyễn Thành T mang sang cho cháu ruột là Nguyễn Thị Bích H. Một túi giấy quần băng keo kín chứa 07 đồng hồ, 03 chai nước hoa và một số trang sức khác, T nhờ H gửi về quê ở Bình Thuận để cất giúp T. Túi còn lại chứa 06 dây chuyền, lắc tay các loại và 01 chai nước hoa, T tặng cho H (H khai không biết nguồn gốc tài sản). Những trang sức còn sót lại mà T thấy không đẹp thì mang ra thùng rác tại đường K, phường A, quận B để vứt bỏ.

Sáng ngày 25/7/2024, T đến Ngân hàng BIDV tại số X đường K, Phường 12, Quận 6 gửi 130.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của cháu ruột là Nguyễn Thị Bích L. T nhờ L cất giữ số tiền này nhưng không tiết lộ nguồn gốc. Số tiền còn lại, T trả nợ 7.000.000 đồng, cho chồng là Nguyễn Văn T 2.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân.

* Định giá tài sản: Kết luận định giá tài sản số 77-KV1/KLĐG-HĐĐGTS của Hội đồng định giá thành phố T xác định 28 tài sản bị chiếm đoạt có giá trị 241.289.037 đồng. Ngoài các tài sản nói trên, các tài sản khác được thể hiện trong yêu cầu định giá thì Hội đồng định giá từ chối thực hiện việc định giá.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Trần Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên, phù hợp với lời khai của chị Trương Lê Ngọc T, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Tố H, chị Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị Bích L.

Nguyễn Thanh T (con ruột T) khai nhận: Vào chiều tối ngày 24/7/2024, mẹ ruột là Trần Thị T có đến ở chung với T tại phòng trọ thuộc địa chỉ X đường số 2, Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh). Tuy nhiên, T khai nhận không biết, không giúp sức cho mẹ ruột Trần Thị T lấy trộm tài sản; T khai không biết việc mẹ ruột cất giấu các tài sản tại tủ và túi quần áo của T tại phòng trọ của T.

Nguyễn Thành T (con ruột T) khai nhận: Vào trưa ngày 25/7/2024 được mẹ đưa 02 túi giấy để giao cho Lê Thị Bích H. T không biết bên trong có gì và không biết nguồn gốc tài sản.

Lê Thị Bích H (cháu ruột T) khai nhận: Vào trưa ngày 25/7/2024 được dì ruột là T gọi điện thoại thông báo T sẽ mang 02 túi giấy qua cho H trong đó cho H 01 túi giấy có nước hoa và nhiều trang sức, còn 01 túi giấy nhờ H cất giữ đến khi về quê thì mang về nhà giúp dì T. Sau đó, T mang 02 túi giấy (01 túi được dán băng keo kín, 01 túi giấy có chai nước hoa và túi nilon có trang sức) đưa cho Lê Thị Bích H. H không biết trong túi giấy được dán băng keo kín có những tài sản gì. H cũng không biết nguồn gốc các tài sản T cho H từ đâu mà có.

Lê Thị Bích L (cháu ruột T) khai nhận: Sáng 25/7/2024, T liên lạc với L nhờ L giữ giúp T 130.000.000 đồng, L có hỏi nguồn gốc nhưng T không trả lời. Vì là dì ruột nên L đồng ý giữ giúp số tiền và nhấn tin số tài khoản của L là 001xxxxxxx mở tại ngân hàng Quân Đội cho T. Sau đó, tài khoản này của L nhận được số tiền 130.000.000 đồng với nội dung “DI T CHUYEN”.

Nguyễn Văn T (chồng cũ T) thừa nhận sự việc đến hỗ trợ Trần Thị T mở ổ vít cửa sổ của phòng chứa nhiều đồ đạc và trang sức của chị T nhưng không biết rõ mục đích của việc mở ổ vít cửa sổ, T không thừa nhận giúp sức cho T thực hiện hành vi lấy trộm tài sản.

Nguyễn Thị Tố H (giám đốc Cửa hàng vàng bạc đá quý Kim Kim H) thừa nhận việc mua bán nhiều trang sức từ T dù không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc. H khai nhận đây là lần đầu tiên giao dịch với T và do tin tưởng T nói nguồn gốc của các trang sức này là do chủ nhờ đến bán giúp, sau mỗi lần thông báo giá cả H đều thấy T gọi điện thoại cho chủ nên tin tưởng giao dịch mua bán. Ngoài ra, H còn trình bày khi T đến bán các tài sản, trang sức các loại nói trên thì H có ghi nhận lại thông tin cá nhân của T.

* Thu giữ, tạm giữ và xử lý vật chứng:

+ 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng có mặt hình trái tim (thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thị Bích H);

+ 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng có mặt chữ "CD" đính nhiều hạt (thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thị Bích H);

+ 01 (một) lắc màu trắng bạc có mặt tròn, gồm nhiều hạt tròn màu trắng bạc (thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thị Bích H);

+ 01 (một) lắc kim loại màu trắng bạc có mặt hình trái tim bị khuyết bên trong (thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thị Bích H);

+ 01 (một) lắc có nhiều hạt màu trắng sữa kèm theo dây bằng kim loại màu vàng (thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thị Bích H);

+ 01 (một) lắc gồm nhiều hạt đá và hạt tròn kim loại màu vàng, mặt đá hình tròn (thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thị Bích H);

+ 01 (một) chai nước hoa màu trắng ghi chữ Tom Ford 50ml (thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thị Bích H);

+ 01 (một) đồng hồ kim loại màu đen có chữ CHANEL (thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thị Bích H);

+ 01 (một) đồng hồ bằng kim loại màu trắng bạc có chữ ROLEX (thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thị Bích H);

+ 01 (một) đồng hồ bằng kim loại màu trắng bạc và vàng đồng có chữ ROLEX (thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thị Bích H);

+ 01 (một) đồng hồ đeo tay bằng kim loại vàng và đen có chữ CHANEL (thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thị Bích H);

+ 01 (một) đồng hồ dây cao su màu đen có chữ CHANEL (thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thị Bích H);

+ 01 (một) đồng hồ dây nhựa màu kem có chữ G-SHOCK (thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thị Bích H);

+ 01 (một) đồng hồ thông minh không rõ nhãn hiệu, dây cao su xanh rêu (thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thị Bích H);

+ 01 (một) vòng đeo tay kim loại màu trắng bạc có chữ "H" (thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thị Bích H);

+ 01 (một) dây kim loại màu vàng có chữ "H" (thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thị Bích H);

+ 01 (một) chai nước hoa có chữ SAUVAGE (thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thị Bích H);

- + 01 (một) chai nước hoa nắp màu vàng đồng có chữ EX NIHILO (thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thị Bích H);
- + 01 (một) chai nước hoa màu hồng có chữ ISSEY MIYAKE (thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thị Bích H);
- + 01 (một) túi vải màu vàng bên trong chứa nhiều đôi bông tai các loại (thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thị Bích H);
- + 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu vàng có chữ "M" ở mặt dây chuyền (thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thị Bích H);
- + 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu vàng có gắn 04 chữ "D", "I", "O", "R" (thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thị Bích H);
- + 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu vàng có logo trên mặt hình giống chữ "X" (thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thị Bích H);
- + 01 (một) sợi dây kim loại màu vàng có mặt chữ "U" (thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thị Bích H);
- + 01 (một) sợi dây chuyền gồm nhiều hạt tròn màu trắng sữa, mặt tròn kim loại màu vàng có chữ Dior (thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thị Bích H);
- + 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, mặt chứa một viên đá màu xanh (thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thị Bích H);
- + 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu trắng bạc, có mặt chữ "T" (thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thị Bích H);
- + 01 (một) nhẫn tròn bằng kim loại màu vàng (thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thị Bích H);
- + 01 (một) nhẫn tròn có chữ "CD" (thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thị Bích H);
- + 01 (một) nhẫn tròn có đính hạt không màu (thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thị Bích H);
- + 01 (một) nhẫn tròn màu trắng bạc (thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thị Bích H);
- + 01 (một) lắc màu vàng có năm hình bông hoa (thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thị Bích H);
- + 01 (một) lắc màu trắng bạc đính nhiều đá (thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thị Bích H);
- + 01 (một) đồng hồ dây da màu đen mặt đồng hồ chữ H bên trong có chữ Hermes (thu giữ tại Cửa hàng vàng bạc đá quý Kim Kim H);

+ 01 (một) đồng hồ dây kim loại màu đen mặt đồng hồ hình chữ nhật có chữ Chanel (thu giữ tại Cửa hàng vàng bạc đá quý Kim Kim H);

+ 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu vàng mặt dây chuyền hình tròn bằng kim loại màu vàng có chữ BVLGARI, bên trong có viên đá màu đen (thu giữ tại Cửa hàng vàng bạc đá quý Kim Kim H);

+ 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu vàng, mặt dây chuyền hình hoa 04 cánh bằng kim loại màu vàng (thu giữ tại Cửa hàng vàng bạc đá quý Kim Kim H);

+ 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu vàng, mặt dây chuyền hình bướm bằng đá màu trắng sữa viền kim loại màu vàng (thu giữ tại Cửa hàng vàng bạc đá quý Kim Kim H);

+ 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu vàng, mặt dây chuyền bằng kim loại vàng hình vòng tròn hở, có đính đá (thu giữ tại Cửa hàng vàng bạc đá quý Kim Kim H);

+ 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu vàng, mặt dây chuyền hình hoa 04 cánh bằng đá màu trắng sữa, viền bằng kim loại màu vàng (thu giữ tại Cửa hàng vàng bạc đá quý Kim Kim H);

+ 01 (một) lắc tay bằng kim loại màu vàng, mặt lắc hình hoa 04 cánh bằng đá màu đỏ, viền bằng kim loại màu vàng (thu giữ tại Cửa hàng vàng bạc đá quý Kim Kim H);

+ 01 (một) lắc tay bằng kim loại màu vàng đan xen 04 mặt hình tròn bằng đá màu đen đều có viền bằng kim loại màu vàng có chữ BVLGARI (thu giữ tại Cửa hàng vàng bạc đá quý Kim Kim H);

+ 01 (một) vòng tay hình tròn (dạng hình con rắn) bằng kim loại màu vàng (thu giữ tại Cửa hàng vàng bạc đá quý Kim Kim H);

+ 01 (một) vòng tay hình tròn kết nối bằng nhiều hình lục giác kim loại màu vàng (thu giữ tại Cửa hàng vàng bạc đá quý Kim Kim H);

+ 01 (một) vòng tay hình tròn kết nối bằng nhiều hình lục giác kim loại màu trắng bạc (thu giữ tại Cửa hàng vàng bạc đá quý Kim Kim H);

+ 01 (một) đôi bông tai (hình dạng hình con rắn đang cuộn) bằng kim loại màu vàng có đính nhiều hạt đá (thu giữ tại Cửa hàng vàng bạc đá quý Kim Kim H);

+ 01 (một) đôi bông tai hình tròn mặt đá màu đen, viền bằng kim loại màu vàng có chữ BVLGARI (thu giữ tại Cửa hàng vàng bạc đá quý Kim Kim H);

+ 01 (một) nhẫn bằng kim loại màu vàng có hai viên gắn nhiều đá; phía giữa có nhiều hình elip kết nối (thu giữ tại Cửa hàng vàng bạc đá quý Kim Kim H);

+ 01 (một) nhẫn bằng kim loại màu vàng mặt đá màu trắng sữa hình 02 chữ T (thu giữ tại Cửa hàng vàng bạc đá quý Kim Kim H);

+ 01 (một) nhẫn bằng kim loại màu vàng mặt hình hoa 04 cánh bằng đá màu trắng hồng viền bằng kim loại màu vàng (thu giữ tại Cửa hàng vàng bạc đá quý Kim Kim H);

+ 01 (một) nhẫn bằng kim loại màu vàng mặt giống chữ T (thu giữ tại Cửa hàng vàng bạc đá quý Kim Kim H);

+ 01 (một) nhẫn bằng kim loại màu vàng có hoa văn hình tròn gạch ngang (thu giữ tại Cửa hàng vàng bạc đá quý Kim Kim H);

+ 01 (một) nhẫn bằng kim loại màu trắng bạc kết nối bằng nhiều hình lục giác (thu giữ tại Cửa hàng vàng bạc đá quý Kim Kim H);

+ 01 (một) nhẫn bằng kim loại màu vàng kết nối bằng nhiều hình lục giác (thu giữ tại Cửa hàng vàng bạc đá quý Kim Kim H);

+ 01 (một) nhẫn bằng kim loại màu vàng kết nối bằng nhiều hình tròn (thu giữ tại Cửa hàng vàng bạc đá quý Kim Kim H);

+ 01 (một) nhẫn bằng kim loại màu trắng bạc kết nối bằng nhiều ô vuông (thu giữ tại Cửa hàng vàng bạc đá quý Kim Kim H);

+ 01 (một) nhẫn bằng kim loại màu vàng có khung chứa mặt đá (không có đá) (thu giữ tại Cửa hàng vàng bạc đá quý Kim Kim H);

+ 01 (một) viên đá màu xanh da trời nhạt (thu giữ tại Cửa hàng vàng bạc đá quý Kim Kim H);

+ 01 (một) chai nước hoa đã qua sử dụng (thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Văn T);

+ 01 (một) nhẫn tròn màu vàng phía trên có đính 01 hạt không màu giống kim cương (thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thanh T);

+ 01 (một) nhẫn tròn bằng kim loại màu vàng (thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thanh T);

+ 01 (một) lắc tay bằng kim loại màu vàng (thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thanh T);

Các vật chứng nêu trên đã được trả cho bị hại là chị Trương Lê Ngọc T.

+ 130.000.000 đồng tiền Việt Nam (đã trả cho Nguyễn Thị Tô H);

+ 05 (năm) tờ tiền mệnh giá 100 USD (đô la Mỹ) (thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thanh T);

+ 01 bộ quần áo có hoa văn màu đỏ, đen, xám (là trang phục T mặc khi thực hiện hành vi lấy trộm tài sản ngày 24/7/2024);

+ 01 áo khoác dài tay màu vàng (là trang phục T mặc bên ngoài khi đem tài sản lấy trộm được đem bán tại tiệm vàng Kim Kim H);

+ 01 túi xách vải màu trắng T dùng để đựng các tài sản đã trộm cắp được để đem đi tiêu thụ, cất giấu;

+ 01 điện thoại di động hiệu Redmi 10 màu đen.

Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Trương Lê Ngọc T đã nhận lại toàn bộ tài sản bị trộm cắp (62 món), có đơn bãi nại cho bị cáo Trần Thị T và không có yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tô H đã nhận lại số tiền 130.000.000 (Một trăm ba mươi triệu) đồng và 05 (năm) tờ tiền mệnh giá 100 USD (đô la Mỹ) nên không có ý kiến gì khác.

Tại Cáo trạng số 355/CT-VKSKV2 ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Trần Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025 xử phạt bị cáo Trần Thị T từ 7 (bảy) năm đến 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định.

Bị cáo Trần Thị T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, đồng ý với lời luận tội của Kiểm sát viên và mong hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị hại bà Trương Lê Ngọc T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tô H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Bích L và Lê Thị Bích H vắng mặt tại phiên tòa. Xét việc bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2] *Về tội danh và khung hình phạt*: Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, qua xét hỏi bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 08 giờ sáng ngày 24/7/2024 tại căn hộ X, chung cư F (phường C, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh), lợi dụng sự tin tưởng và sơ hở của chủ nhà là chị Trương Lê Ngọc T khi đi vắng, Trần Thị T đã lén lút đột nhập vào phòng của chị T để thực hiện hành vi chiếm đoạt nhiều tài sản có giá trị (gồm đồng hồ, trang sức, nước hoa các loại). Để che giấu hành vi, T đã ngắt cầu dao tổng vô hiệu hóa camera, dùng chìa khóa cơ lén lấy từ trước để mở cửa phòng, sau đó gọi người đến tháo ốc vít cửa sổ nhằm tạo hiện trường giả. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt qua định giá là 241.289.037 đồng (hai trăm bốn mươi một triệu, hai trăm tám mươi chín nghìn, không trăm ba mươi bảy đồng).

Hành vi của Trần Thị T đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”, với tình tiết định khung “*Chiếm đoạt tài sản giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Trần Thị T về tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với Nguyễn Văn T: Mặc dù đã có hành vi đến căn hộ tháo ốc vít cửa sổ theo lời nhờ của bị cáo Trần Thị T, nhưng ông T không được bị cáo Trần Thị T tiết lộ mục đích thực sự là để tạo hiện trường giả cho việc trộm cắp. Do ông T không biết sự việc và không có ý thức cùng thực hiện tội phạm với bị cáo Trần Thị T, nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông T về vai trò đồng phạm.

Đối với Nguyễn Thị Tô H: Khi thực hiện giao dịch mua các tài sản từ bị cáo Trần Thị T, bà H hoàn toàn không biết số trang sức, đồng hồ trên là tài sản do

phạm tội mà có, nên không có xem xét trách nhiệm hình sự đối với bà H về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Đối với Nguyễn Thanh T: Việc bị cáo Trần Thị T mang tài sản trộm cắp về cất giấu tại phòng trọ và tử quần áo diễn ra khi T đi làm vắng nhà. T không biết việc mẹ mình thực hiện hành vi trộm cắp cũng như không biết sự tồn tại của số tài sản cất giấu trong phòng, do đó không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự về vai trò đồng phạm.

Đối với Nguyễn Thành T: Là người trực tiếp mang các túi đồ chứa tài sản đi giao cho Lê Thị Bích H nhưng anh T không biết sự việc bị cáo Trần Thị T mình lấy trộm tài sản và cũng không biết nguồn gốc của các món đồ bên trong túi, nên không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự.

Đối với chị Lê Thị Bích H: Việc nhận các túi tài sản từ T đem sang (bao gồm phần tài sản được cho tặng và phần được nhờ cất giữ mang về quê). Bà Lê Thị Bích H hoàn toàn không biết nguồn gốc các tài sản này từ đâu mà có. Do không biết đây là tài sản trộm cắp, không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự đối với chị H.

Đối với chị Lê Thị Bích L: Mặc dù đã nhận giữ hộ 130.000.000 đồng qua chuyển khoản từ bị cáo Trần Thị T, nhưng khi L hỏi về nguồn gốc số tiền, bị cáo Trần Thị T không trả lời. Lê Thị Bích L không biết đây là tiền thu lợi bất chính từ việc bán tài sản trộm cắp. Do đó, không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự đối với chị L.

[3] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Thị T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị hại bà Trương Lê Ngọc T có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hình phạt của các bị cáo:

Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân, gây mất trật tự trị an, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Việc áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025 để đưa ra mức án phù hợp cho bị cáo, vừa đảm

bảo tính nghiêm minh, vừa thể hiện tinh thần nhân đạo của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa sai lầm, sớm được trở về với gia đình và xã hội.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 62 (sáu mươi hai) món tài sản bị trộm cắp, Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho chủ sở hữu là bà Trương Lê Ngọc T. Bị hại bà Trương Lê Ngọc T xác nhận đã nhận lại đầy đủ tài sản và không có yêu cầu gì khác. Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Đối với số tiền 130.000.000 đồng tiền Việt Nam và 5 tờ tiền mệnh giá 100 USD (đô la Mỹ), Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã trả người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tô H, bà H không có yêu cầu gì khác. Hội đồng xét xử ghi nhận.

- 01 (một) bộ quần áo có hoa văn màu đỏ, đen, xám là trang phục bị cáo T mặc để thực hiện hành vi phạm tội. Xét thấy các đồ vật nêu trên không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) áo khoác dài tay màu vàng là trang phục T mặc bên ngoài khi đem tài sản lấy trộm được đem bán tại tiệm vàng Kim Kim H. Xét thấy đồ vật nêu trên không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) túi xách vải màu trắng T dùng để đựng các tài sản đã trộm cắp được để đem đi tiêu thụ, cất giấu. Xét thấy đồ vật nêu trên không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi 10 màu đen. Xét thấy bị cáo sử dụng tài sản nêu trên để liên lạc nhằm mục đích tẩu tán tài sản do phạm tội mà có. Do đó, cần tịch thu, sung ngân sách Nhà nước.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại bà Trương Lê Ngọc T xác nhận đã nhận lại đầy đủ tài sản. Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tô H đã nhận lại toàn bộ tài sản trên và không có yêu cầu gì khác. Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Căn cứ Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Xử phạt bị cáo Trần Thị T 8 (tám) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/8/2024.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2025.

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) bộ quần áo có hoa văn màu đỏ, đen, xám; 01 (một) áo khoác dài tay màu vàng và 01 (một) túi xách vải màu trắng.

- Tịch thu, sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi 10 màu đen

(Theo Phiếu nhập kho số PNK26/2-361 ngày 09/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, 2025; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Trần Thị T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2025.

Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại bà Trương Lê Ngọc T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tố H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Kv.2, TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng PV06, PC10 - Công an TP Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP Hồ Chí Minh;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

